

KHÔ HẠN, XÂM NHẬP MẶN Ở ĐBSCL VÀ VẤN ĐỀ QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC

PGS.TS Lê Anh Tuấn

Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Biến đổi khí hậu
Trường Đại học Cần Thơ

Tài nguyên nước đóng vai trò đặc biệt quan trọng, là thành phần thiết yếu của sự sống và môi trường, là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Những năm gần đây, trước những diễn biến bất thường của khí hậu - thời tiết và một số yếu tố khác, Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là một trong những vùng chịu ảnh hưởng nặng nề của tình trạng khô hạn và xâm nhập mặn. Do vậy, việc quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước là vấn đề hết sức có ý nghĩa nhằm phát triển bền vững vùng đồng bằng quan trọng này của đất nước.

Những diễn biến bất thường của thời tiết

Các số liệu thống kê cho thấy, ĐBSCL vào mùa khô 2015-2016 bị tình trạng khô hạn và nhiễm mặn do nước biển lấn sâu vào nội địa cao nhất trong 90 năm qua. Sự cố hạn - mặn năm nay có thể xem là một điển hình thiên tai và biến đổi khí hậu (BĐKH) gây ra, ảnh hưởng mạnh mẽ đến vùng châu thổ vốn được xem là phong phú về mật độ sông ngòi của cả nước.

Theo mức độ phân loại, hạn hán mùa khô 2015-2016 đã cao hơn mức độ hạn khí tượng hay thủy văn, nghĩa là lượng mưa (hay lượng dòng chảy) đến khu vực đều thấp hơn mức trung bình nhiều năm. Hạn hán năm nay cũng đã vượt qua mức hạn nông nghiệp, là tình trạng khô hạn làm ảnh hưởng



đến sinh lý của cây trồng do mất cân bằng kéo dài giữa lượng nước thực tế trong đất và nhu cầu nước của cây trồng. Theo các chuyên gia, hiện tượng khô hạn năm nay xứng đáng được xếp vào loại hạn

xã hội, vì suốt hơn 2-3 tháng cao điểm mùa khô, cả một nửa vùng đồng bằng bị ảnh hưởng nặng nề, thu nhập của nông dân bị thâm hụt, nhiều gia đình phải chạy xin nước để dùng hàng ngày, giá cả

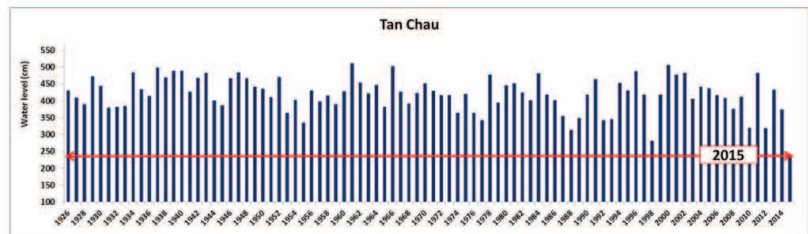
các dịch vụ cấp nước tăng cao, ở nhiều nơi xuất hiện hiện tượng thanh niên, phụ nữ bỏ đồng ruộng đi dân lên các đô thị hay khu công nghiệp tập trung.

Thật ra, người dân vùng ĐBSCL đã nhận biết tình trạng thiếu hụt nguồn nước có xu thế tăng dần kể từ trận lũ lịch sử năm 2000. Những mùa “lũ đẹp” dần ít đi, thay vào đó là những năm lũ nhỏ, lũ kém hay “lũ nghèo”. Có nhiều lý giải khác nhau của các nhà khoa học và quản lý về các hiện tượng lũ - hạn - mặn bất thường gần đây. Tuy nhiên, hai nguyên nhân quan trọng được đề cập nhiều nhất là hiện tượng BĐKH toàn cầu diễn ra nhanh, mạnh hơn các kịch bản phỏng đoán và các hoạt động của con người (như phát triển các công trình thủy điện lớn, làm đảo lộn các quy luật thủy học và đặc điểm cân bằng sinh thái tự nhiên; các dự án chuyển nước sang lưu vực khác vào mùa khô và một số công trình thoát lũ ra biển Tây vào mùa mưa...).

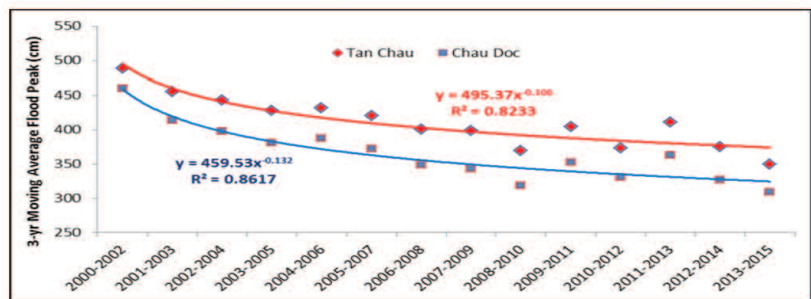
Mỗi năm sông Mekong có thể đổ về hạ lưu, xuống vùng châu thổ và sau đó đi ra biển một lượng nước ngọt khổng lồ (khoảng 450 tỷ m³). Lượng nước mưa tại chỗ và các nguồn nước khác chiếm không quá 10-15% tổng lượng nước này, nghĩa là chúng ta phụ thuộc hơn 85% nguồn nước từ bên ngoài. Sự phân bố mùa mưa và mùa khô lại quá khác biệt, mùa lũ lưu lượng nước sông Mekong có thể đổ xuống hơn 45.000 m³/s, tràn ngập nhiều vùng trũng miền hạ lưu; trong khi đó mùa khô lưu lượng nước sông giảm mạnh, chỉ còn khoảng 2.000-3.000 m³/s ở

những tháng 2, 3, 4. Thiên nhiên từ hơn 6.000 năm trước đã tạo cho vùng đồng bằng này hai túi nước ngọt lớn là Tứ giác Long Xuyên - Hà Tiên và Đồng Tháp Mười. Nhờ các hồ chứa tự nhiên này và các khu đất ngập nước khác, mùa nước nổi ở ĐBSCL không có những cơn lũ hung hãn, tốc độ nước lên rất chậm, khoảng 30-40 cm mỗi ngày. Về mùa khô dù dòng chảy ít đi, nhưng nước biển theo thủy triều tiến vào nội

thì ranh mặn từ cửa sông chỉ đi sâu vào nội địa dưới 60 km. Năm 2015-2016 được đánh giá là năm hạn lịch sử, lưu lượng đổ về Tân Châu và Châu Đốc chỉ xấp xỉ hơn 2.500-3.000 m³/s nhưng ranh mặn đã có lúc đến 75 km vào nội địa. Sự khác biệt này không có cách giải thích nào thuyết phục hơn là vùng ĐBSCL đã mất nhiều nước từ các khu trữ tự nhiên để ngăn bớt sự xâm nhập mặn.



Biểu đồ 1: đỉnh lũ năm 2015 là thấp nhất trong chuỗi số liệu 90 năm ở Tân Châu (1926-2015)



Biểu đồ 2: xu thế suy giảm nguồn nước từ thượng nguồn đến ĐBSCL qua Tân Châu và Châu Đốc

địa cũng chỉ làm khoảng 1/3 vùng đồng bằng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn. Những năm trước, nhờ 3 hồ tự nhiên (Tonlesap của Campuchia, Tứ giác Long Xuyên - Hà Tiên và Đồng Tháp Mười) điều tiết vào mùa khô nên diện tích ảnh hưởng mặn bị giới hạn, kể cả những giai đoạn kiệt nhất mang tính lịch sử (lưu lượng sông đổ về ĐBSCL có những tháng kiệt chỉ còn 1.200-1.500 m³/s)

Vấn đề quản lý tài nguyên nước

Hiện tượng khô hạn và xâm nhập mặn năm 2016 khá nặng nề nhưng cũng là cơ hội để vùng ĐBSCL đánh giá lại những chương trình, kế hoạch đã, đang và dự kiến thực hiện trong tương lai. Rõ ràng bài toán phát triển kinh tế - xã hội, cũng như cân đối các nguồn tài nguyên thiên nhiên và các hệ sinh thái phải đặt trong

bối cảnh của BĐKH và nước biển dâng. Đối với ĐBSCL, chúng ta cần phải xem lại tư duy chỉ chú trọng vào sản xuất lúa như là một chiến lược lương thực quốc gia trường kỳ. Nếu đánh giá đúng tiềm năng, không có vùng châu thổ nào trên thế giới có khả năng tạo ra một năng suất sinh học cao trong sản xuất lúa gạo như vùng ĐBSCL (chỉ cần khoảng 100-110 ngày trong năm, vùng châu thổ hạ lưu sông Mekong có thể cung cấp cho quốc gia trên 7-8 triệu tấn lúa). Do vậy, chúng ta không chỉ đảm bảo nhu cầu trong nước mà còn xuất khẩu một lượng lớn lúa gạo ra thị trường thế giới. Việc đẩy mạnh xuất khẩu lúa gạo đã chỉ ra rằng, Việt Nam là một trong các cường quốc sản xuất lúa gạo, nhưng thực tế, người nông dân sản xuất ra lúa gạo vẫn nghèo và luôn phải đối phó với nhiều bất trắc (thị trường, rủi ro từ thiên nhiên, quy hoạch sản xuất...). Việc xuất khẩu lúa gạo giá rẻ ở thị trường phân khúc thấp chẳng khác nào chúng ta đang chuyển ra nước ngoài nguồn nước ngọt quý giá (nếu quy đổi theo dấu ấn nước, hay nước ảo, để sản xuất ra 1 kg gạo cần phải tiêu thụ khoảng 3.500-4.500 lít nước, mỗi năm Việt Nam xuất 7 triệu tấn gạo thì tương đương chuyển ra nước ngoài xấp xỉ 30 triệu m³ nước ngọt).

Để khắc phục tình trạng thiếu nước và xâm nhập mặn đang diễn biến phức tạp tại vùng ĐBSCL, giải pháp quản lý tài nguyên nước tổng hợp đã được nhiều chuyên gia về nước khuyến cáo. Theo đó, chúng ta phải có những đánh giá đầy đủ, nhận diện tất cả các nguy

cơ nguồn nước, từ những kịch bản BĐKH, nước biển dâng, tác động xuyên biên giới... đến phân tích những bất cập về chính sách thủy lợi và an ninh lương thực. Ngoài ra, cần ngăn chặn sự mở rộng các khu dân cư và vùng sản xuất ở những vùng trũng nước, từng bước khôi phục các khu dự trữ nước tự nhiên. Các công trình thủy lợi hoặc dự án nông nghiệp làm xâm hại nguồn dự trữ nước ngọt cần phải xem xét đánh giá, điều chỉnh và sửa chữa, dù không dễ dàng. Bên cạnh đó, cần xem lại các cơ cấu sản xuất có liên quan nhiều đến tiêu thụ nước. Theo tính toán, tổng lượng nước ngọt mà con người sử dụng (như ở ĐBSCL) cho sản xuất nông nghiệp là 70%, cho sản xuất công nghiệp và dịch vụ khoảng 20-22% và chỉ 8-10% dành cho ăn uống, sinh hoạt. Trong 70% lượng nước sử dụng cho nông nghiệp thì sản xuất lúa chiếm một tỷ lệ lớn nhất so với các lĩnh vực sản xuất khác (có thể đạt đến 80%).

Trồng lúa cần nhiều nước, trong khi giá lúa trên mỗi đơn vị nông sản gần như thấp nhất so với các loại hoa màu hoặc nông sản khác. Nếu ĐBSCL giảm khoảng một nửa diện tích trồng lúa mùa khô thì có thể dư một lượng nước lớn hoàn toàn đủ đảm bảo khối lượng cho việc cấp nước sinh hoạt toàn vùng và gia tăng canh tác hoa màu sử dụng ít nước, cũng như thủy sản. Hệ sinh thái cũng sẽ được cải thiện theo hướng tích cực. Song song đó, các giải pháp tiết kiệm nước cần phải được khuyến khích, bao gồm cả kỹ thuật tưới tiết kiệm,

sản xuất tiết kiệm nước và tiêu dùng nước tiết kiệm, hợp lý. Về lâu dài, biện pháp trồng rừng, kể cả những dải rừng phân tán như các vành đai xanh đô thị cần được triển khai phù hợp. Sẽ rất thiếu sót khi bàn về việc quản lý tài nguyên nước vùng ĐBSCL mà bỏ qua tác động xuyên biên giới. Mối đe dọa lớn nhất đối với phát triển bền vững vùng châu thổ là vấn đề an ninh nguồn nước nhìn từ các mối đe dọa bên ngoài, cụ thể là các dự án phát triển thủy điện ở thượng nguồn. Các dự án này sẽ biến dòng sông Mekong trở thành những chuỗi hồ liên tục, nước sẽ không về đồng bằng theo quy luật, dẫn đến các số liệu thủy văn đo đạc hàng chục năm qua trở nên vô dụng nếu dùng để tính toán tần suất cho các thiết kế công trình thủy lợi hay kế hoạch tưới tiêu thủy nông. Lý do là, dòng chảy sẽ bị kiểm soát bởi những ông chủ điều hành các dự án thủy điện. Dòng nước sẽ bị kiểm soát tối ưu nhất theo kế hoạch phát điện và cũng có thể dùng làm công cụ ngoại giao trong mặc cả quyền lợi với các nước vùng châu thổ. Hệ quả là, tiến trình kiến tạo đồng bằng sẽ có nguy cơ bị đảo ngược, nền kinh tế - xã hội sẽ chịu những tác động nặng nề. Do vậy, giải pháp ngoại giao nước (water diplomacy) đang được xem là giải pháp cần thiết trên tinh thần hợp tác khu vực - nhằm chia sẻ lợi ích và chia sẻ rủi ro.